

Số: /QĐ-BNN-TCTL Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án Hệ thống thủy lợi Tân An – Đập Đá**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2014/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định số 3154/QĐ-BNN-KH ngày 19/7/2021, số 2148/QĐ-BNN-KH ngày 14/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hệ thống thủy lợi Tân An – Đập Đá;*

*Căn cứ Quyết định số 1913/QĐ-BNN-KH ngày 27/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hệ thống thủy lợi Tân An – Đập Đá;*

*Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 48/TT-UBND ngày 18/4/2022 về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Hệ thống thủy lợi Tân An – Đập Đá;*

*Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 45/TTr-BQL ngày 10/3/2022 về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Hệ thống thủy lợi Tân An – Đập Đá, kèm theo các Báo cáo thẩm tra số 21/HEC3-CV ngày 30/3/2022, 23/HEC3-CV ngày 31/3/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3;*

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 909/BC-TCTL-XDCB ngày 15/6/2022 của Tổng cục Thủy lợi,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Hệ thống thủy lợi Tân An – Đập Đá với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Hệ thống thủy lợi Tân An – Đập Đá.

**2. Người quyết định đầu tư:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.

### **4. Mục tiêu, nhiệm vụ**

Xây dựng các đập dâng và nâng cấp hệ thống kênh nhằm đảm bảo an toàn công trình, sử dụng hiệu quả nguồn nước, cấp nước tưới ổn định cho 14.020 ha đất canh tác nông nghiệp thuộc 02 huyện Tuy Phước, Phù Cát và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

### **5. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế**

- Cấp công trình: Công trình cấp III

- Chỉ tiêu thiết kế:

+ Tần suất lũ thiết kế:  $P = 1,5\%$

+ Tần suất lũ kiểm tra:  $P = 0,5\%$

+ Mức đảm bảo tưới:  $P = 85\%$

+ Mức đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp:  $P = 90\%$ .

### **6. Quy mô đầu tư xây dựng**

#### **6.1. Các đập dâng**

- Xây dựng mới đập dâng Gò Chàm; phá bỏ, xây lại các đập dâng Thạnh Hòa 1, Thông Chín, Thuận Hạt, Gò Đậu, Cây Bứa. Kết cấu các đập bằng BTCT M300, cửa van phẳng bằng thép, vận hành bằng tời điện; Làm cầu công tác kết hợp giao thông qua các đập, kết cấu dầm BTCT dự ứng lực M300 đúc sẵn.

Thông số kỹ thuật chi tiết như bảng sau:

| TT | Thông số kỹ thuật    | Đơn vị | Đập dâng                                |            |           |        |         |         |
|----|----------------------|--------|-----------------------------------------|------------|-----------|--------|---------|---------|
|    |                      |        | Thạnh Hòa 1                             | Thông Chín | Thuận Hạt | Gò Đậu | Cây Bứa | Gò Chàm |
| 1  | Hình thức            |        | Đập có cửa điều tiết kết hợp tràn tự do |            |           |        |         |         |
| 2  | Mức nước lũ thiết kế | m      | +9,56                                   | +7,20      | +8,51     | +8,36  | +12,59  | +14,56  |
| 3  | Mức nước thiết kế    | m      | +6,4                                    | +5,6       | +6,35     | +6,0   | +11,1   | +11,5   |

| TT | Thông số kỹ thuật                   | Đơn vị | Đập dâng      |               |                 |        |           |               |
|----|-------------------------------------|--------|---------------|---------------|-----------------|--------|-----------|---------------|
|    |                                     |        | Thanh Hòa 1   | Thông Chín    | Thuận Hạt       | Gò Đậu | Cây Búa   | Gò Chàm       |
|    | trước đập (MNDBT)                   |        |               |               |                 |        |           |               |
| 4  | Chiều dài đập                       | m      | 106,3         | 78,8          | 52,8            | 25,8   | 33        | 38            |
| 5  | Các khoang cửa:                     |        |               |               |                 |        |           |               |
| -  | <i>Số khoang có cửa</i>             |        | 7             | 6             | 3               | 3      | 3         | 3             |
| -  | <i>Chiều rộng một khoang có cửa</i> | m      | 12            | 10            | 8               | 6      | 8         | 8             |
| -  | <i>Cao trình ngưỡng</i>             | m      | +3,6          | +1,6          | +3,5            | +3,5   | +9,0      | +9,1          |
| 6  | Các khoang tràn tự do:              |        |               |               |                 |        |           |               |
| -  | <i>Số khoang tràn</i>               |        | 02            | 02            | 02              | 01     | 01        | 02            |
| -  | <i>Chiều rộng một khoang</i>        | m      | 4             | 3             | 11              | 2      | 3,2       | 3,6           |
| -  | <i>Cao trình ngưỡng tràn</i>        | m      | +6,4          | +5,6          | +6,35           | +6,0   | +11,1     | +11,5         |
| 7  | Cao trình sân trước                 | m      | +3,4          | +1,0          | +3,5            | +3,5   | +9,0      | +9,0          |
| 8  | Cao trình sân sau                   | m      | +2,5          | +1,0          | +3,2            | +3,1   | +8,8      | +9,0          |
| 9  | Chiều dài sân trước                 | m      | 20,0          | 20,0          | 20,0            | 20,0   | 20,0      | 20,0          |
| 10 | Chiều dài ngưỡng đập                | m      | 11,00         | 10,00         | 9,50            | 9,50   | 9,50      | 9,50          |
| 11 | Chiều dài bề tiêu năng              | m      | 13,00         | 13,00         | 11,00           | 8,00   | 8,00      | 8,00          |
| 12 | Chiều dài gia cố sân sau            | m      | 50,75         | 30,00         | 30,00           | 30,00  | 30,00     | 30,00         |
| 13 | Chiều sâu bề tiêu năng              | m      | 1,2           | 1,3           | 0,9             | 0,7    | 0,7       | 0,7           |
| 14 | Chống thấm qua nền                  |        | Cừ larsen     | Cừ larsen     |                 |        | Cừ larsen |               |
| 15 | Gia cố nền đập                      |        | Cọc BTCT M300 | Cọc BTCT M300 |                 |        |           | Cọc BTCT M300 |
| 16 | Cầu giao thông qua đập              |        |               |               |                 |        |           |               |
| -  | <i>Tải trọng TK</i>                 |        | <i>HL93</i>   |               | <i>0,65HL93</i> |        |           |               |
| -  | <i>Chiều rộng mặt cầu</i>           | m      | 5,00          | 5,00          | 5,00            | 5,00   | 5,00      | 5,00          |
| -  | <i>Chiều dài</i>                    | m      | 123,1         | 78,8          | 52,8            | 25,8   | 33,0      | 38,0          |

- Kè thượng, hạ lưu các đập dâng

Xây dựng kè thượng, hạ lưu các đập với tổng chiều dài 1.536 m, dạng kè mái nghiêng. Trong đó, 1.486m kè các đập Thông Chín, Thuận Hạt, Cây Búa, Gò Đậu, Gò Chàm kết cấu bằng đá hộc lát khan dày 25 cm trong khung BTCT M200; còn lại 50m kè đập Thanh Hòa 1 có kết cấu bằng tấm lát bê tông dày 12cm trong khung BTCT M200, chân kè đổ đá hộc, mặt đỉnh kè gia cố bằng bê tông M250.

## 6.2. Cống lấy nước bờ tả và bờ hữu đập Thanh Hòa 1

Phá bỏ cống cũ, xây dựng lại 02 cống lấy nước bờ tả và bờ hữu đập dâng Thạnh Hòa 1, kết cấu bằng BTCT M250. Thông số kỹ thuật như sau:

| TT | Thông số                       | Cống bờ tả                                                | Cống bờ hữu             |
|----|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1  | Hình thức                      | Cống tròn                                                 | Cống hộp                |
| 2  | Kích thước                     | D = 1,5m                                                  | 2x(1,8x2,0)m            |
| 3  | Lưu lượng thiết kế             | 0,2 m <sup>3</sup> /s                                     | 6,723 m <sup>3</sup> /s |
| 4  | Cao trình ngưỡng cống          | +4,7m                                                     | +4,3m                   |
| 5  | Loại cửa van, thiết bị đóng mở | Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng máy vitme chạy điện |                         |

### 6.3. Kênh tưới N6 thuộc hệ thống đập dâng Thạnh Hòa 1

- Gia cố tuyến kênh N6 thuộc hệ thống đập dâng Thạnh Hòa 1 với chiều dài 3,55 km. Mặt cắt kênh hình chữ nhật, kích thước B= (1,0÷1,2)m, H= (1,0÷1,4)m, kết cấu kênh bằng BTCT M200.

- Xây mới, sửa chữa 38 công trình trên kênh.

### 6.4. Hệ thống điện

- Xây dựng các tuyến đường điện trung, hạ thế với tổng chiều dài 1.680m (đường dây 22kV: 605m; đường hạ thế 0,4kv: 1.075m); 02 trạm biến áp cho đập dâng Thạnh Hòa 1, Thông Chín.

### 6.5. Đường quản lý vận hành

- Xây dựng các đường thi công kết hợp quản lý vận hành các đập Thông Chín, Cây Bứa, Gò Đậu, Gò Chàm với tổng chiều dài 790m, mặt đường rộng B=5,5m, được gia cố bằng bê tông M250, dày 20cm; đường quản lý đập Thuận Hát dài 885m, mặt đường rộng B=5,0m, được gia cố bằng cấp phối sỏi đồi.

### 6.6. Nhà quản lý

- Xây dựng 5 nhà quản lý cho các đập dâng Thông Chín, Cây Bứa, Gò Đậu, Thuận Hát, Gò Chàm; nhà cấp 4, 1 tầng, diện tích xây dựng 40,0 m<sup>2</sup> (riêng nhà quản lý đập Gò Chàm kết hợp phục vụ quản lý đập Bảy Yển, diện tích xây dựng rộng 90 m<sup>2</sup>).

**7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung - Trường Đại học Thủy lợi.

**8. Địa điểm xây dựng:** Huyện Tuy Phước, Phù Cát và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

**9. Nhóm dự án:** Dự án nhóm B.

## **10. Loại, cấp công trình chính**

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

## **11. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.**

- Thiết kế cơ sở.
- Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán.

## **12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn**

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04 - 05:2012/BNNPTNT Công trình thủy lợi - Các quy định về thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12845 : 2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCTKT, Báo cáo NCKT và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4118 : 2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4253 : 2012 Công trình thủy lợi - nền các công trình thủy công - yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8477 : 2018 Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8478 : 2018 Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12571 : 2018 Công trình thủy lợi – Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2737 : 2006 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8298 : 2009 Chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép của công trình thủy lợi;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8419 : 2010 Công trình thủy lợi - Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9137 : 2012 Tiêu chuẩn thiết kế đập bê tông và bê tông cốt thép;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9147 : 2012 Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4055: 2012 Tổ chức thi công;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574 : 2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép
- Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các tiêu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

**13. Tổng mức đầu tư:** Tổng mức đầu tư được duyệt tính theo mặt bằng giá tháng 01 năm 2022 của tỉnh Bình Định là 340.000.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi tỷ đồng*).

Trong đó:

|                                            |                   |
|--------------------------------------------|-------------------|
| - Chi phí xây dựng:                        | 256.602.192.000 đ |
| - Chi phí thiết bị:                        | 9.291.650.000 đ   |
| - Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: | 19.820.433.000 đ  |
| - Chi phí quản lý dự án:                   | 4.211.834.000 đ   |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:          | 16.346.908.000 đ  |
| - Chi phí khác:                            | 5.586.646.000 đ   |
| - Chi phí dự phòng:                        | 28.140.337.000 đ  |

*(Chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo)*

#### **14. Tiến độ thực hiện dự án**

- Chuẩn bị dự án: 2020 – 2022.
- Thực hiện dự án: 2022 – 2025.

#### **15. Nguồn vốn đầu tư**

- Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý 300,5 tỷ đồng để đầu tư xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn, chi khác và một phần kinh phí dự phòng.

- Vốn ngân sách địa phương là 39,5 tỷ đồng để chi bồi thường GPMB và phần chi phí dự phòng còn lại.

**16. Hình thức tổ chức quản lý dự án:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

#### **17. Bồi thường giải phóng mặt bằng**

- Diện tích đất sử dụng vĩnh viễn: 7,45 ha (trong đó: diện tích đất đã sử dụng: 4,74 ha; diện tích đất mở rộng: 2,71 ha).
- Diện tích đất sử dụng tạm thời: 8,30 ha.

#### **18. Lưu ý trong giai đoạn thiết kế BVTC**

- Khảo sát bổ sung, đánh giá về địa chất công trình đầu mối (tuân theo TCVN 8477:2018); tính toán kỹ về thấm (cả qua vai đập), ổn định, xu thế hạ

thấp lòng dẫn hạ lưu, ảnh hưởng của hạ thấp lòng dẫn đến kết cấu công trình, nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tư vấn thẩm tra về việc thí nghiệm mô hình thủy lực chống xói hạ lưu (đập Thanh Hòa 1 và Thông Chín) để có giải pháp thiết kế xử lý chống thấm, chống xói, xử lý nền phù hợp, đảm bảo ổn định, an toàn cho công trình.

- Tính toán thêm phương án xây dựng đập dâng Thông Chín gồm 5 khoang có cửa B = 12m.

- Thiết kế kiến trúc cho công trình đầu mối, hệ thống điện chiếu sáng (điện lưới, pin mặt trời...) bảo đảm mỹ thuật, phù hợp với cảnh quan chung.

- Khảo sát, đánh giá chi tiết về các tuyến đường điện dự kiến sử dụng vận hành công trình để có giải pháp thiết kế điện phù hợp; Lưu ý lựa chọn công suất tời điện bảo đảm vận hành trong tình huống khẩn cấp.

- Lựa chọn giải pháp kỹ thuật tối ưu đảm bảo tuyệt đối an toàn công trình, kinh tế, hiệu quả.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao nhiệm vụ:

- Tổng cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Ban quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư theo quy định hiện hành.

## **2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định:**

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện dự án; chỉ đạo tổ chức thực hiện phân bồi thường, đền bù giải phóng mặt bằng đảm bảo đáp ứng tiến độ thực hiện Dự án.

- Có trách nhiệm bố trí vốn Ngân sách địa phương thực hiện các hạng mục theo phân giao tại Khoản 15, Điều 1 Quyết định này, đáp ứng tiến độ dự án.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV KTTL Bình Định và các đơn vị liên quan tổ chức quản lý vận hành các công trình sau khi xây dựng hoàn thành, phát huy hiệu quả đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Ban quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ Tài chính (Vụ ĐT);
- UBND tỉnh Bình Định;
- Kho bạc NN tỉnh Bình Định;
- Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định;
- Ban QLDA NNPTNT Bình Định;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TCTL. (20b)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Hiệp**